

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dệt Hà Đông Hanosimex (sau đây là "Công ty") trình bày Báo cáo này theo với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán độc lập năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012.

Ban Giám đốc và Ban Giám đốc

NỘI DUNG Ban Giám đốc và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm **TRANG**
kết thúc ngày 31/12/2012 này gồm:

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH	04 - 05
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	06 - 07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	09
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 30

Ban Giám đốc

Ông Trần Thanh Bình	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Minh Đức	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Văn Đức	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Phương	Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm toán độc lập

Ban Kiểm toán độc lập Công ty Cổ phần Dệt Hà Đông Hanosimex có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012, phản ánh một cách trung thực và hợp lý, đầy đủ các tài sản, nợ phải trả, nguồn vốn và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Tổng việc lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

1. Thực hiện theo quy định kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan;
2. Đảm bảo các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
3. Đảm bảo các khoản chi trả đúng tính một cách hợp lý và thận trọng;
4. Đảm bảo các khoản thu và nợ phải trả được tính toán đúng đắn, có những áp dụng với đơn vị liên quan được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính đầy đủ;
5. Đảm bảo các khoản chi trả đúng đắn một lần và một cách hiệu quả của mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm tạo chế độ tài chính và giải thích;
6. Đảm bảo các khoản chi trả có sự hoạt động liên tục từ những hợp đồng tài chính của Công ty và những khoản chi trả khác.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dệt Hà Đông Hanosimex (gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm 2012 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Khánh Sơn	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 29/4/2012
Ông Dương Khuê	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 29/4/2012
Ông Đặng Thái Hưng	Ủy viên	
Bà Nguyễn Thị Phụng	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 29/4/2012
Bà Nguyễn Thị Minh Đức	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 29/4/2012
Ông Hồ Lê Hùng	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 29/4/2012
Bà Phí Thị Mai Hoa	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 29/4/2012
Ông Khổng Đình Hà	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 29/4/2012
Ông Nguyễn Nhất Nguyên	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 29/4/2012

Ban Giám đốc

Ông Đặng Thái Hưng	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Minh Đức	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Minh Đức	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Phụng	Phó Tổng Giám đốc

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dệt Hà Đông Hanosimex có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012, phản ánh một cách trung thực và hợp lý, tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



Đặng Thái Hưng
Tổng Giám đốc
Ngày 28 tháng 03 năm 2013

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán độc lập

Quá trình xây dựng Báo cáo của Ban Giám đốc từ tháng 01 và tháng 02, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của được kiểm toán.

Trách nhiệm ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện có đủ sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính đã xây dựng đúng các số và trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và sự đánh giá về tính hiện của thủ tục, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính, đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và các độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và các đánh giá quan trọng của Ban Giám đốc Công ty, các cách trình bày thông tin của Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để đưa ra các kết luận ý kiến của chúng tôi.

Rủi ro của pháp vi kiểm toán

Chúng tôi chưa thu thập được các tài liệu làm căn cứ xác định giá trị thị trường đối với các khoản tiền gửi ngân hàng trong năm 2012 của Công ty. Việc xác định thuế của Công ty dựa cơ sở vào các quy định hiện hành và thực tiễn, nhưng quy định này đang đối tượng đang xử lý và việc xác định vào đúng và thuế vào các khoản tiền gửi ngân hàng này liên quan tới kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền. Theo đó, chúng tôi không đưa ra được kết luận về sự ảnh hưởng của vấn đề này tới khoản mục Thuế và các khoản phải nộp khác trước, nhưng các khoản mục khác được trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012.

Số: 31/2013/BCTC-VAHP

BÁO CÁO KIỂM TOÁN
Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012
của Công ty Cổ phần Dệt Hà Đông Hanosimex**Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc**
Công ty Cổ phần Dệt Hà Đông Hanosimex

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Dệt Hà Đông Hanosimex (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 28/2/2013, từ trang 06 đến trang 30 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 02 và trang 03, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính, đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Hạn chế phạm vi kiểm toán

Chúng tôi chưa thu thập được các tài liệu làm căn cứ xác định giá thị trường đối với giao dịch liên kết phát sinh trong năm 2012 của Công ty. Việc xác định thuế của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cũng về thuế và các khoản phải nộp nhà nước tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền. Theo đó, chúng tôi không đưa ra nhận xét về sự ảnh hưởng của vấn đề này tới khoản mục Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước, cũng như các khoản mục khác được trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề hạn chế phạm vi kiểm toán nêu trên, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.



Vũ Thị Hương Giang
Phó Giám đốc
 Số chứng chỉ KTV: 0388/KTV
Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VIỆT ANH - CHI NHÁNH HẢI PHÒNG
 Ngày 28 tháng 03 năm 2013

Tạ Thị Việt Phương
Kiểm toán viên
 Số chứng chỉ KTV: 1445/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu số B01-DN
Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
1	2	3	4	5
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		104.919.334.741	39.957.639.430
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	05	31.845.809.255	14.124.113.316
1. Tiền	111		9.495.809.255	2.624.113.316
2. Các khoản tương đương tiền	112		22.350.000.000	11.500.000.000
II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		40.000.000.000	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121	06	40.000.000.000	-
III- Các khoản phải thu	130		11.583.549.087	5.482.069.735
1. Phải thu của khách hàng	131		10.477.799.321	5.087.403.735
2. Trả trước cho người bán	132		-	6.666.000
5. Các khoản phải thu khác	135	07	1.185.749.766	468.000.000
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(80.000.000)	(80.000.000)
IV- Hàng tồn kho	140	08	18.539.227.426	18.799.424.032
1. Hàng tồn kho	141		19.088.324.470	19.143.522.935
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(549.097.044)	(344.098.903)
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		2.950.748.973	1.552.032.347
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.866.066.011	629.783.796
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	09	27.682.962	920.248.551
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	10	57.000.000	2.000.000
B- TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220 + 250 + 260)	200		30.692.402.495	34.336.429.633
II- Tài sản cố định	220		21.361.920.841	25.287.884.179
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	17.750.971.494	21.676.934.832
- Nguyên giá	222		81.551.218.312	78.887.053.761
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(63.800.246.818)	(57.210.118.929)
3. Tài sản cố định vô hình	227	12	-	-
- Nguyên giá	228		42.000.000	42.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(42.000.000)	(42.000.000)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	13	3.610.949.347	3.610.949.347
IV- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	14	9.330.481.654	8.994.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		9.100.000.000	8.100.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		557.875.000	1.201.875.000
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		(327.393.346)	(307.875.000)
V- Tài sản dài hạn khác	260		-	54.545.454
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	15	-	54.545.454
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		135.611.737.236	74.294.069.063

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 30 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu số B01-DN
Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
1	2	3	4	5
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		99.406.455.915	55.661.704.06
I- Nợ ngắn hạn	310		25.387.352.069	23.014.145.79
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	16	9.569.095.718	9.869.115.12
2. Phải trả cho người bán	312		9.228.529.511	10.041.000.733
3. Người mua trả tiền trước	313		6.536.678	210.133.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	17	3.055.795.190	5.888.386
5. Phải trả người lao động	315		3.277.400.664	2.539.481.822
6. Chi phí phải trả	316	18	61.701.486	174.993.470
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	19	180.034.846	88.063.750
11. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323		8.257.976	85.469.505
II- Nợ dài hạn	330		74.019.103.846	32.647.558.269
3. Phải trả dài hạn khác	333		67.500.000.000	19.400.000.000
4. Vay và nợ dài hạn	334	20	6.519.103.846	13.247.558.269
B- NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		36.205.281.321	18.632.365.002
I- Nguồn vốn, quỹ	410	21	36.205.281.321	18.632.365.002
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		13.000.000.000	13.000.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		2.081.318.706	1.333.294.583
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		252.737.220	547.734.123
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.033.172.976	731.154.831
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		19.838.052.419	3.020.181.465
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		135.611.737.236	74.294.069.063

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mẫu số B01-DN

Chỉ tiêu	31/12/2012	01/01/2012
5. Ngoại tệ các loại - đô la Mỹ (USD)	118.363,77	-



Đặng Thái Hưng
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 03 năm 2013

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 30 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính

Nguyễn Lê Hằng
Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

Mẫu số B02-DN
Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	248.847.522.532	229.877.680.779
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	22	56.588.619	281.547.619
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	22	248.790.933.913	229.596.133.160
4. Giá vốn hàng bán	11	23	213.784.784.325	215.726.712.041
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		35.006.149.588	13.869.421.117
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	5.711.084.578	1.214.532.401
7. Chi phí tài chính	22	25	1.377.400.846	973.476.312
Trong đó: Chi phí lãi vay		23	1.342.330.810	968.950.878
8. Chi phí bán hàng	24		6.510.104.928	3.846.551.587
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		8.161.630.023	6.692.317.894
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		24.668.098.369	3.571.607.725
11. Thu nhập khác	31		61.381.818	122.727.277
12. Chi phí khác	32		6.430.345	27.723.456
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	26	54.951.473	95.003.821
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		24.723.049.842	3.666.611.546
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	27	4.884.997.423	646.430.080
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		19.838.052.419	3.020.181.466
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	15.260	2.323



Đặng Thái Hưng
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 03 năm 2013

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 30 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính

Nguyễn Lệ Hằng
Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

Mẫu số B03-DN
Đơn vị tính: VND

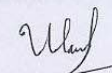
Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu	01		199.259.043.943	251.778.381.371
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(165.365.413.011)	(229.604.731.826)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(18.210.047.847)	(13.981.560.287)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(1.280.629.324)	(968.950.878)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(2.301.361.682)	(992.461.877)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		15.948.297.567	18.780.788.285
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(6.283.722.870)	(11.933.996.315)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		21.766.166.776	13.077.468.473
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(2.306.790.551)	(544.113.626)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		18.181.818	122.113.626
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(37.500.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	40.500.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(1.000.000.000)	(8.100.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		644.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		5.466.186.548	1.214.532.401
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		2.821.577.815	(4.306.903.958)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		21.419.248.985	10.030.358.901
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(26.333.758.908)	(6.208.280.257)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.950.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(6.864.509.923)	3.822.078.644
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (20+30+40)	50		17.723.234.668	12.592.643.159
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	05	14.124.113.316	1.531.470.157
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(1.538.729)	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm (50+60+61)	70	05	31.845.809.255	14.124.113.316



Đặng Thái Hưng
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 03 năm 2013

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 30 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính


Nguyễn Lệ Hằng
Kế toán trưởng

